



Vietnam Auditing  
and Valuation  
Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Thành viên Hội đồng kiểm toán Việt Nam  
mgiworldwide

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10-29



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoài Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/06/2020
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30/06/2020
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2020
Ông Nguyễn Khánh Toàn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30/06/2020
Ông Lê Văn An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2020
Ông Nguyễn Minh Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2020
Ông Nguyễn Vũ Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2020
Ông Ngô Văn Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2020
Ông Trương Thế Huy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2020

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

---

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



---

**Vương Lê Vinh Nhân**  
**Tổng Giám đốc**

*Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2020*

Số: 540/BCKT/TC/VN8

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư HVA

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 07 năm 2020, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ*

Báo cáo tài chính của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO là báo cáo chưa được kiểm toán, ngoài ra chúng tôi cũng không được tiếp cận hồ sơ kế toán của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO. Do đó, chúng tôi không đánh giá được dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập (nếu có) của khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng của vấn đề đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

### *Kết luận ngoại trừ*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến. Cơ sở của việc kiểm toán viên năm trước từ chối đưa ra ý kiến và vấn đề xử lý của kiểm toán viên năm nay như sau:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 49.790.000.000 đồng, trong đó: kiểm toán viên đã không thu thập được thư xác nhận khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết số tiền 28.000.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là báo cáo tài chính chưa kiểm toán của bên nhận đầu tư và kiểm toán viên không tiếp cận được hồ sơ kế toán liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn số tiền 789.431.246 đồng.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty đã tiến hành thoái vốn và thu hồi 2 khoản đầu tư với tổng giá trị là 21.790.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, đồng thời hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đã trích lập số tiền 789.431.246 đồng. Chúng tôi cũng đã thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư của các khoản đầu tư trên tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư khoản đặt cọc bằng tiền mặt là 15.500.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng số 2108/2018/HĐĐC-HVA ngày 21 tháng 08 năm 2018 với giá trị thỏa thuận ban đầu không quá 28.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, hoạt động chuyển nhượng chưa được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư HVA và Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ đã thống nhất chấm dứt thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ trả lại số tiền đã nhận đặt cọc là 15.500.000.000 đồng và bồi thường 200.000.000 đồng vi phạm hợp đồng cho Công ty bằng hình thức chuyển khoản. Chúng tôi cũng đã thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư của khoản đặt cọc trên tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

- Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 do chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán thời điểm đó.

Tại thời điểm soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 đồng thời thực hiện các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính đúng đắn của số dư tiền mặt tại ngày 01 tháng 01 năm 2020.

- Kiểm toán viên đã không thu thập được đầy đủ thư xác nhận nợ phải thu tương ứng 90,71% tổng nợ phải thu, đồng thời không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để chứng minh cho tính hiện hữu của số dư các khoản nợ phải thu.

Tại thời điểm soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục gửi thư xác nhận và đã thu thập đầy đủ thư xác nhận đối với các khoản nợ phải thu, phải trả tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.



**Nguyễn Bảo Trung**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2020*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.414.132.418</b>	<b>3.338.994.157</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.811.216.915</b>	<b>410.681.381</b>
1. Tiền	111		1.811.216.915	410.681.381
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.580.512.000</b>	<b>2.912.500.000</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.196.469.486	10.252.529.486
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	10.648.570.000	46.750.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	410.502.000	500.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.675.029.486)	(7.886.779.486)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.403.503</b>	<b>15.812.776</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.745.518	11.154.791
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	4.657.985	4.657.985
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28.001.647.916</b>	<b>64.506.079.176</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>15.500.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	-	15.500.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>49.000.568.754</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.000.000.000	43.790.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	6.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(789.431.246)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.647.916</b>	<b>5.510.422</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.647.916	5.510.422
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>62.415.780.334</b>	<b>67.845.073.333</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.120.046.704</b>	<b>11.844.866.704</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.120.046.704</b>	<b>6.343.366.704</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	3.433.873.520	3.433.873.520
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	20.093.705	20.093.705
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	204.480.000	127.800.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	753.899.479	753.899.479
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	707.700.000	2.007.700.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>5.501.500.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	-	5.501.500.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>57.295.733.630</b>	<b>56.000.206.629</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>57.295.733.630</b>	<b>56.000.206.629</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.500.000.000	56.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.500.000.000	56.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(106.363.636)	(106.363.636)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		902.097.266	(393.429.735)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(393.429.735)	397.318.389
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.295.527.001	(790.748.124)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>62.415.780.334</b>	<b>67.845.073.333</b>

*(Handwritten signatures)*



Nguyễn Thị Diệp  
Người lập

Nguyễn Thị Diệp  
Kế toán trưởng

Vương Lê Vĩnh Nhân  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	36.599.440.000	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		36.599.440.000	-
4. Giá vốn hàng bán	11	18	36.318.180.000	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		281.260.000	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		138.834	7.546
7. Chi phí tài chính	22	19	76.680.000	77.739.726
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		76.680.000	77.739.726
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	110.373.079	128.359.751
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		94.345.755	(206.091.931)
11. Thu nhập khác	31	21	1.201.181.246	-
12. Chi phí khác	32		-	510.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.201.181.246	(510.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.295.527.001	(206.601.931)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.295.527.001	(206.601.931)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	229	(37)

*(Handwritten signatures)*



Nguyễn Thị Diệp  
Người lập

Nguyễn Thị Diệp  
Kế toán trưởng

Vương Lê Vĩnh Nhân  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2020

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.655.500.000	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(46.989.500.000)	(27.450.800)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.000.000)	(35.900.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(26.619.726)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.200.000.000	120.000.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(421.103.300)	(65.460.796)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(13.588.103.300)</i>	<i>(35.431.322)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.790.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		138.834	7.546
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>21.790.138.834</i>	<i>7.546</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		66.500.000	400.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.868.000.000)	(83.293.113)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(6.801.500.000)</i>	<i>316.706.887</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.400.535.534</b>	<b>281.283.111</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>410.681.381</b>	<b>213.922.974</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>1.811.216.915</b>	<b>495.206.085</b>

*(Handwritten signatures)*



Nguyễn Thị Diệp  
Người lập

Nguyễn Thị Diệp  
Kế toán trưởng

Vương Lê Vĩnh Nhân  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104659943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 56.500.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 56.500.000.000 đồng; tương đương 5.650.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đầu tư tài chính và Kinh doanh thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư tài chính và Kinh doanh cà phê hạt khô.

**2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

10 \* M.S.D.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	392.173.390	407.173.390
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.419.043.525	3.507.991
	<u><b>1.811.216.915</b></u>	<u><b>410.681.381</b></u>



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### **6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>28.000.000.000</b>	-	-	<b>15.633.028.551</b>
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO	28.000.000.000	-	-	(156.971.449)
Công ty Cổ phần Thạch Thành Xuân	-	-	-	(156.971.449)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(632.459.797)</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC	-	-	-	(632.459.797)
	<b>28.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.000.568.754</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO	Hà Nội	46,67%	45,00%	Nuôi trồng thủy sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	4.521.165.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sao Xanh	1.489.952.000	1.489.952.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt	3.250.000.000	3.250.000.000
Công ty Cổ phần Akie Việt Nam	9.198.670.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC	8.648.750.000	-
Các khoản phải thu khác	2.087.932.486	991.412.486
	<b>29.196.469.486</b>	<b>10.252.529.486</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)</i>	<b>9.198.670.000</b>	<b>-</b>

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Xuất Nhập khẩu Nông sản - Công ty Cổ phần Tập đoàn Cà phê Avina	6.585.680.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản Phía Nam	1.716.250.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đại Phát Vina	2.059.890.000	-	-	-
Trả trước khác	286.750.000	-	46.750.000	-
	<b>10.648.570.000</b>	<b>-</b>	<b>46.750.000</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

## 9 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	410.502.000	-	500.000.000	-
	<b>410.502.000</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ (*)	-	-	15.500.000.000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.500.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản đặt cọc bằng tiền mặt cho Công ty Cổ phần Đầu tư HVA và Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ theo Hợp đồng số 2108/2018/HĐĐC-HVA ngày 21 tháng 08 năm 2018 để thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với giá trị thỏa thuận ban đầu không quá 28.000.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ đề xuất giá trị chuyển nhượng cao hơn giá trị thẩm định giá với giá trị 30.000.000.000 đồng. Hai bên thống nhất chấm dứt thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ trả lại số tiền đã nhận đặt cọc là 15.500.000.000 đồng và bồi thường 200.000.000 đồng vi phạm hợp đồng cho Công ty bằng hình thức chuyển khoản.

## 10 . NỢ XẤU

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	-	4.521.165.000	-
Công ty CP Nông nghiệp Sao Xanh	1.489.952.000	-	1.489.952.000	-
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư MCC	-	-	302.500.000	90.750.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt	3.250.000.000	1.625.000.000	3.250.000.000	1.625.000.000
Công ty CP Xây dựng Bắc Ninh	38.912.486	-	38.912.486	-
	<b>9.300.029.486</b>	<b>1.625.000.000</b>	<b>9.602.529.486</b>	<b>1.715.750.000</b>

## 11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH Hải Sơn	748.373.520	748.373.520	748.373.520	748.373.520
Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	85.500.000	85.500.000	85.500.000	85.500.000
Phải trả khác				
	<b>3.433.873.520</b>	<b>3.433.873.520</b>	<b>3.433.873.520</b>	<b>3.433.873.520</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**12 . THUÈ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

**a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	20.093.705	-	-	20.093.705
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>20.093.705</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>20.093.705</b>

**b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.754.761	-	-	1.754.761
Thuế Thu nhập cá nhân	2.903.224	-	-	2.903.224
	<b>4.657.985</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.657.985</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	204.480.000	127.800.000
	<b>204.480.000</b>	<b>127.800.000</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	40.327.700	40.327.700
Bảo hiểm xã hội	70.921.779	70.921.779
Bảo hiểm y tế	14.715.000	14.715.000
Bảo hiểm thất nghiệp	6.390.000	7.935.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	620.000.000	620.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.545.000	-
	<b>753.899.479</b>	<b>753.899.479</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản số (DAMH)	1.300.000.000	1.300.000.000	66.500.000	1.366.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Trustpay	950.000.000	950.000.000	-	950.000.000	-	-
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	707.700.000	707.700.000	-	-	707.700.000	707.700.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền	707.700.000	707.700.000	-	-	707.700.000	707.700.000
	<b>2.007.700.000</b>	<b>2.007.700.000</b>	<b>66.500.000</b>	<b>1.366.500.000</b>	<b>707.700.000</b>	<b>707.700.000</b>
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
<i>Vay dài hạn</i>						
Ông Nguyễn Khánh Toàn	5.501.500.000	5.501.500.000	-	5.501.500.000	-	-
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-
Ông Trần Duy Sơn	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	-	-
	101.500.000	101.500.000	-	101.500.000	-	-
	<b>5.501.500.000</b>	<b>5.501.500.000</b>	<b>-</b>	<b>5.501.500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	707.700.000	707.700.000			707.700.000	707.700.000
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>4.793.800.000</b>	<b>4.793.800.000</b>			<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Lãi suất cho vay theo khế ước (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2020	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền	Hợp đồng cho vay từng lần số 120617- 3526675-01-SME ngày 19/06/2017 trong thời hạn 36 tháng để thanh toán tiền mua hàng hoá	19,26%	Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp theo Hợp đồng bảo lãnh số 120617-3526675- 01-SME/HĐBL ngày 19/06/2017	707.700.000	707.700.000

**707.700.000**

**707.700.000**

**c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

Mối quan hệ	30/06/2020		01/01/2020	
	Góc VND	Lãi VND	Góc VND	Lãi VND
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân đồng thời là Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của cả bên cho vay và bên đi vay	-	-	350.000.000	-
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân đồng thời là Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của cả bên cho vay và bên đi vay	-	-	950.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Toàn	-	-	5.000.000.000	-
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	-	-	400.000.000	-
	-	-	<b>6.700.000.000</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>				
Tại ngày 01/01/2019	56.500.000.000	(106.363.636)	397.318.389	56.790.954.753
Lãi trong kỳ	-	-	(206.601.931)	(206.601.931)
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>(106.363.636)</b>	<b>190.716.458</b>	<b>56.584.352.822</b>
<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>				
Tại ngày 01/01/2020	56.500.000.000	(106.363.636)	(393.429.735)	56.000.206.629
Lãi trong kỳ	-	-	1.295.527.001	1.295.527.001
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>(106.363.636)</b>	<b>902.097.266</b>	<b>57.295.733.630</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Ông Nguyễn Văn Hùng	6,9%	3.873.000.000	6,9%	3.873.000.000
Ông Nguyễn Minh Duy	6,8%	3.828.210.000	6,8%	3.828.210.000
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	5,3%	2.989.400.000	5,3%	2.989.400.000
Ông Nguyễn Quang Lâm	4,7%	2.666.000.000	4,7%	2.666.000.000
Bà Ma Thị Thùy	4,5%	2.549.000.000	4,5%	2.549.000.000
Ông Lê Hoài Nam	4,1%	2.321.000.000	4,1%	2.321.000.000
Bà Đỗ Thị Lệ Hằng	3,2%	1.795.000.000	3,2%	1.795.000.000
Các cổ đông khác	64,6%	36.478.390.000	64,6%	36.478.390.000
	<b>100%</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>56.500.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	56.500.000.000	56.500.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	56.500.000.000	56.500.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	56.500.000.000	56.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.650.000	5.650.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	36.599.440.000	-
	<b>36.599.440.000</b>	<b>-</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)	9.198.670.000	-
	<b>9.198.670.000</b>	<b>-</b>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	36.318.180.000	-
	<b>36.318.180.000</b>	<b>-</b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	76.680.000	77.739.726
	<b>76.680.000</b>	<b>77.739.726</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	3.862.506	15.263.848
Chi phí nhân công	33.000.000	35.900.000
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.603.300	58.712.939
Chi phí khác bằng tiền	5.907.273	15.482.964
	<b>110.373.079</b>	<b>128.359.751</b>

**21 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm thực hiện hợp đồng thu được (*)	200.000.000	-
Thu hồi nợ xấu đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi	211.750.000	-
Thu hồi khoản đầu tư đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	789.431.246	-
	<b>1.201.181.246</b>	<b>-</b>

**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.295.527.001	(206.601.931)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	510.000
- Chi phí không được trừ	-	510.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.295.527.001)	-
- Chuyển lỗ các kỳ trước	(1.295.527.001)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.754.761)	(1.754.761)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(1.754.761)</b>	<b>(1.754.761)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.295.527.001	(206.601.931)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.295.527.001	(206.601.931)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.650.000	5.650.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>229</b>	<b>(37)</b>

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.862.506	15.263.848
Chi phí nhân công	33.000.000	35.900.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.603.300	58.712.939
Chi phí khác bằng tiền	8.907.273	18.482.964
	<b>110.373.079</b>	<b>128.359.751</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	1.811.216.915	-	410.681.381	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.606.971.486	(7.675.029.486)	26.252.529.486	(7.886.779.486)
Đầu tư dài hạn	28.000.000.000	-	49.790.000.000	(789.431.246)
	<b>59.418.188.401</b>	<b>(7.675.029.486)</b>	<b>76.453.210.867</b>	<b>(8.676.210.732)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			707.700.000	7.509.200.000
Phải trả người bán, phải trả khác			4.187.772.999	4.187.772.999
Chi phí phải trả			204.480.000	127.800.000
			<b>5.099.952.999</b>	<b>11.824.772.999</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.811.216.915	-	-	1.811.216.915
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.306.942.000	9.300.029.486	-	29.606.971.486
Đầu tư dài hạn	-	28.000.000.000	-	28.000.000.000
	<b>22.118.158.915</b>	<b>37.300.029.486</b>	<b>-</b>	<b>59.418.188.401</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	410.681.381	-	-	410.681.381
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.650.000.000	9.602.529.486	-	26.252.529.486
Đầu tư dài hạn	-	49.790.000.000	-	49.790.000.000
	<b>17.060.681.381</b>	<b>59.392.529.486</b>	<b>-</b>	<b>76.453.210.867</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Vay và nợ	707.700.000	-	-	707.700.000
Phải trả người bán, phải trả khác	-	4.187.772.999	-	4.187.772.999
Chi phí phải trả	76.680.000	127.800.000	-	204.480.000
	<b>784.380.000</b>	<b>4.315.572.999</b>	<b>-</b>	<b>5.099.952.999</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	7.509.200.000	-	-	7.509.200.000
Phải trả người bán, phải trả khác	753.899.479	3.433.873.520	-	4.187.772.999
Chi phí phải trả	127.800.000	-	-	127.800.000
	<b>8.390.899.479</b>	<b>3.433.873.520</b>	<b>-</b>	<b>11.824.772.999</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty là đầu tư tài chính và kinh doanh hạt cà phê khô, trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh là kinh doanh hạt cà phê khô chiếm trên 90% tổng doanh thu của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 15).

**Giao dịch phát sinh trong kỳ:**

Mối quan hệ	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
	đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Akie Việt Nam	9.198.670.000	-
Ông Nguyễn Khánh Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT trong kỳ là Người đại diện theo pháp luật của khách hàng		

**Số dư tại ngày kết thúc kỳ:**

Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Akie Việt Nam	9.198.670.000	-
Ông Nguyễn Khánh Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT trong kỳ là Người đại diện theo pháp luật của khách hàng		

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 do Công ty lập.

Nguyễn Thị Diệp  
Người lập

Nguyễn Thị Diệp  
Kế toán trưởng



Vương Lê Vĩnh Nhân  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2020